

BỘ TÀI CHÍNH

Số: 172 /2010/TT-BTC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 02 tháng 11 năm 2010

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng
lệ phí trong lĩnh vực hải quan**

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và Lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Thực hiện Nghị quyết số 25/NQ-CP ngày 02/6/2010 của Chính phủ về việc đơn giản hóa 258 thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ, ngành.

Bộ Tài chính hướng dẫn mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí trong lĩnh vực hải quan như sau:

Điều 1. Đối tượng nộp lệ phí

Đối tượng nộp lệ phí trong lĩnh vực hải quan là các tổ chức, cá nhân có hành lý, hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh được cơ quan hải quan thực hiện các công việc về hải quan có thu lệ phí theo quy định tại Thông tư này .

Điều 2. Các trường hợp không thu lệ phí hải quan

1. Hàng viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại; quà tặng cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân và cá nhân; đồ dùng của tổ chức, cá nhân nước ngoài theo quy chế miễn trừ ngoại giao; hành lý mang theo người; hàng bưu phẩm, bưu kiện được miễn thuế xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định của pháp luật hiện hành;

2. Hàng đang làm thủ tục hải quan phải lưu kho hải quan để ngày hôm sau hoàn thành thủ tục hải quan. Khi hoàn thành thủ tục hải quan sẽ phải nộp lệ phí hải quan;

3. Hàng xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ (kể cả hàng hoá trao đổi giữa doanh nghiệp chế xuất với nội địa và giữa doanh nghiệp chế xuất với nhau);

Điều 3. Mức thu và chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng

1. Mức thu: Mức thu lệ phí trong lĩnh vực hải quan được quy định tại Biểu mức thu lệ phí trong lĩnh vực hải quan ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng: Lệ phí trong lĩnh vực hải quan là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước, được quản lý và sử dụng như sau:

2.1. Cơ quan hải quan trực tiếp tổ chức thu lệ phí hải quan phải kê khai và nộp toàn bộ các khoản thu từ lệ phí hải quan vào tài khoản “tạm giữ tiền lệ phí” tại Kho bạc nhà nước nơi thu để Kho bạc nhà nước theo dõi, thực hiện kiểm soát chi.

2.2. Cơ quan hải quan được sử dụng toàn bộ (100%) tiền thu lệ phí trong lĩnh vực hải quan để trang trải chi phí cho việc thực hiện công việc, dịch vụ thu lệ phí và để thanh toán cho các nội dung sau đây:

a) Mua niêm phong hải quan (niêm phong bằng giấy tự vỡ có tráng keo, niêm phong bằng dây nhựa, niêm phong bằng dây cáp thép, chốt seal container);

b) Mua vật tư, ấn chỉ, văn phòng phẩm phục vụ trực tiếp giải quyết thủ tục hải quan và thu lệ phí;

c) In, mua tem lệ phí hải quan;

d) Trả lương làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm cho cán bộ, công chức trực tiếp giải quyết thủ tục hải quan và thu lệ phí hải quan;

đ) Chi công tác phí và hỗ trợ cước phí thông tin liên lạc cho cán bộ, công chức trực tiếp giải quyết thủ tục hải quan và thu lệ phí hải quan.

e) Chi trả tiền công cho các tổ chức, cá nhân được thuê để thực hiện giải quyết thủ tục hải quan.

f) Sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn và mua sắm tài sản, máy móc, thiết bị phục vụ trực tiếp trong việc giải quyết thủ tục hải quan và thu lệ phí hải quan.

g) Chi phí dịch vụ truyền, nhận, xử lý dữ liệu hải quan điện tử; chi hỗ trợ đầu tư, máy móc, thiết bị để thực hiện hiện đại hoá công tác làm thủ tục hải quan.

2.3. Cơ quan thu lệ phí hải quan được phép sử dụng tem thu lệ phí hải quan có mệnh giá theo quy định hiện hành để thực hiện thu lệ phí hải quan.

2.4. Hàng năm, Cục Hải quan các tỉnh, thành phố tổng hợp từ các đơn vị trực tiếp thu lệ phí và thực hiện lập dự toán số thu từ lệ phí hải quan và nhu cầu chi đảm bảo thực hiện nhiệm vụ, tổng hợp chung trong dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm của đơn vị và gửi lên Tổng cục Hải quan để thẩm định và tổng hợp

chung trong dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm của Tổng cục Hải quan gửi Bộ Tài chính.

2.5. Toàn bộ số thu, chi lệ phí hải quan được hạch toán theo quy định của Mục lục ngân sách nhà nước. Quyết toán thu, chi lệ phí hải quan hàng năm được lập cùng với báo cáo quyết toán ngân sách năm gửi cơ quan cấp trên theo quy định. Đối với số tiền lệ phí hải quan không sử dụng hết trong năm được chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng để đầu tư, tăng cường cơ sở vật chất, hiện đại hoá ngành Hải quan.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 và thay thế Thông tư số 43/2009/TT-BTC ngày 09/3/2009 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hải quan.

2. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quy chế quản lý, sử dụng lệ phí hải quan.

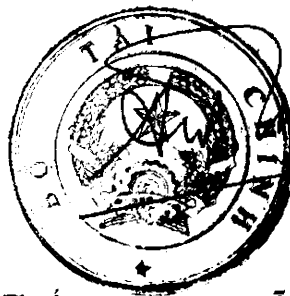
3. Các nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí trong lĩnh vực hải quan không hướng dẫn tại Thông tư này được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí, Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 và Thông tư số 60/2007/TT-BTC ngày 14/6/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế.

4. Trong quá trình thực hiện Thông tư này nếu có phát sinh vướng mắc đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để xem xét hướng dẫn bổ sung.

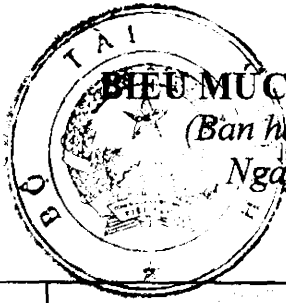
Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- VP Ban CE TW về phòng, chống tham nhũng;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Sở Tài chính, Cục Thuế, Cục Hải quan, Kho bạc nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, CST (CST5).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đỗ Hoàng Anh Tuấn



BIỂU MỨC THU LỆ PHÍ TRONG LĨNH VỰC HẢI QUAN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 172/2010/TT-BTC

Ngày 02 tháng 11 năm 2010 của Bộ Tài chính)

STT	Nội dung thu	Mức thu (đồng/Tờ khai)
1	Lệ phí làm thủ tục hải quan	20.000
2	Lệ phí hàng hoá, phương tiện vận tải quá cảnh Việt Nam	200.000

Ghi chú:

1. Hàng tạm nhập, tái xuất hoặc tạm xuất, tái nhập chỉ thu lệ phí làm thủ tục hải quan 01 (một) lần khi làm thủ tục nhập khẩu; hàng gửi kho ngoại quan chỉ thu lệ phí làm thủ tục hải quan 01 (một) lần khi làm thủ tục nhập kho, khi xuất kho không thu.

2. Các phương tiện vận tải thường xuyên qua lại biên giới được quản lý theo phương thức mở sổ theo dõi hoặc bằng hệ thống máy tính, không quản lý bằng tờ khai thì không thu lệ phí làm thủ tục hải quan.

3. Đối với phương tiện vận tải đường bộ được tạm nhập, tái xuất hoặc tạm xuất, tái nhập chỉ thực hiện thu lệ phí làm thủ tục hải quan 01 (một) lần khi làm thủ tục nhập khẩu, không thu lệ phí làm thủ tục hải quan khi xuất khẩu.

4. Đối với phương tiện vận tải quá cảnh chỉ thực hiện thu lệ phí làm thủ tục hải quan 01 (một) lần khi làm thủ tục nhập cảnh tại cửa khẩu nhập, không thu lệ phí khi làm thủ tục xuất cảnh.

5. Thời hạn nộp lệ phí được quy định như sau:

a) Lệ phí làm thủ tục hải quan phải nộp trước khi cơ quan hải quan kiểm tra xác nhận “đã hoàn thành thủ tục hải quan”; Đối với doanh nghiệp vắng lai thu lệ phí hải quan bằng hình thức dán tem trực tiếp lên tờ khai;

b) Lệ phí làm thủ tục hải quan đối với hàng hoá, phương tiện vận tải quá cảnh phải nộp ngay khi làm thủ tục hải quan cho hàng hoá, phương tiện vận tải quá cảnh.

Ngoài nguyên tắc chung trên, đối với đối tượng có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu thường xuyên (không phân biệt loại hình xuất, nhập khẩu) được lựa chọn tự khai, tự nộp lệ phí theo tháng; trong thời gian 10 ngày đầu của tháng tiếp theo phải nộp hết số tiền lệ phí của tháng trước theo quy định hoặc có thể nộp lệ phí theo phương thức nộp trực tiếp hoặc chuyển khoản qua ngân hàng. Đối với đối tượng thuộc diện nộp lệ phí hải quan theo tháng, nếu trong tháng có số tiền lệ phí hải quan phải nộp ít thì thực hiện nộp lệ phí hải quan bằng hình thức dán tem trực tiếp lên tờ khai. Đối với các đối tượng thực hiện thủ tục hải quan điện tử thì thời

hạn nộp lệ phí được thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu.

6. Lệ phí hải quan thu bằng đồng Việt Nam. Trường hợp đối tượng nộp lệ phí hải quan có nhu cầu nộp bằng ngoại tệ thì được thu bằng ngoại tệ tự do chuyên đổi và được quy đổi từ đồng Việt Nam ra ngoại tệ tự do chuyên đổi theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm thu lệ phí. Đối với các đồng ngoại tệ chưa được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng thì xác định theo nguyên tắc tỷ giá tính chéo giữa tỷ giá đồng đô la Mỹ với đồng Việt Nam và tỷ giá giữa đồng đô la Mỹ với các ngoại tệ đó do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm thu lệ phí./.